TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- H** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21/2025/QĐST- HNGĐ	*H, ngày 22 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - H, THÀNH PHỐ H

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 253/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1992.

Căn cước công dân số: 046092008xxx, cấp ngày 28/8/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

Nơi cư trú: 74 Bửu Đ, phường Kim L, thành phố H.

- Chị Trương Thị Hồng N, sinh năm 1995.

Căn cước công dân số: 046195003xxx, cấp ngày 11/02/2022. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

Nơi cư trú: 30/3 Phạm Thị L, phường Kim L, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức H và chị Trương Thị Hồng N kết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 01 năm, được gia đình đồng ý tổ chức cưới theo phong tục địa phương và anh, chị đăng ký kết hôn tại UBND phường Kim L, thành phố H ngày 30/3/2017. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân của anh H, chị N là hợp pháp.

Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên cải vã làm ảnh hưởng đến cuộc sống của hai bên gia đình và con cái. Do mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được nên anh H, chị N cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Đức H và chị Trương Thị Hồng N xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 16/3/2015. Nguyện vọng cháu Tr muốn ở chị Ni, nên khi ly hôn vợ chồng thoả thuận giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Tr cho chị Trương Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Đức H không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Đức H và chị Trương Thị Hồng N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đức H và chị Trương Thị Hồng N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 14 tháng 7 năm 2025), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Đức H và chị Trương Thị Hồng N.

- Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 16/3/2015 cho chị Trương Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Đức H không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Đức H và chị Trương Thị Hồng N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đức H và chị Trương Thị Hồng N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Anh H, chị N đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001328 ngày 16/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú X, thành phố H, (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2- H), nên được khấu trừ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố H;*
- *VKSND khu vực 2- H;*
- *Phòng THADS khu vực 2- H;*
- *UBND phường Kim L;*
(ĐKKH số 38 ngày 30/3/2017)
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh